TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15/8/2024
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Sang
2. Ông Đỗ Văn Chúc

Th ký phiên tòa: Châu Thị Phượng Liên - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Nguyễn Văn Trường– Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 396/2024/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2024/QĐST - HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024 và giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phạm Thị Mai Nh, sinh năm 1991(có đơn xin xét xử vắng mặt)**.**

Địa chỉ: ấp Hương Phụ B, xã Đa Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

2. Bị đơn: Huỳnh N, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Hương Phụ B, xã Đa Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Con chung chị Nh và anh N: Huỳnh Lâm Th, sinh năm 2012; Huỳnh Lâm T, sinh năm 2016

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của chị Phạm Thị Mai Nh Nh sau*:* Chị và anh N chung sống năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đa Lộc. Thời gian chung sống có 2 con chung tên Huỳnh Lâm Th, sinh năm 2012; Huỳnh Lâm T, sinh năm 2016. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau Thờng xuyên cự cãi, anh N ghen tuông vô cớ. Chị và anh N ly thân nhau từ tháng 3/2024 cho đến nay. Thời gian ly thân anh N luôn kiếm chuyện với chị làm cho cuộc sống chị không yên. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh N. Về con chung chị Nh yêu cầu được nuôi con. Không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Theo lời khai của anh Huỳnh N Nh sau: Anh N thống nhất với Nh thời điểm kết hôn, thời gian chung sống, con chung. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Anh chỉ nói với chị Nh sao nhậu hoài vậy thì Nh tự ý bỏ nhà đi ngoài ra không có mâu thuẫn gì khác. Tài sản chung, nợ chung: không có. Nay chị Nh xin ly hôn thì anh N không đồng ý vì còn Thơng vợ. Nếu Tòa xử cho ly hôn thì con ở với ai người đó nuôi. Nếu con chung ở với chị Nh thì anh cũng đồng ý Nhng không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu tòa giải quyết.

Cháu Huỳnh Lâm Th; Huỳnh Lâm T có tự khai: Nếu ba mẹ ly hôn con sống với mẹ.

Tại phiên tòa hôm nay: Tòa án đã triệu tập xét xử nhiều lần Nhng anh N vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã nhận định:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Những vấn đề khác Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án hôn nhân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự từ khi thụ lý cũng Nh tại phiên tòa hôm nay chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của chị Nh cho chị được ly hôn với anh N. Về con chung: Giao con chung Huỳnh Lâm Th; Huỳnh Lâm T cho chị Nh nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nh không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét. Về án phí buộc đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng**:** Quá trình giải quyết vụ án chị Nh có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh N đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần Nhng vắng mặt không rỏ lí do. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự đủ căn cứ để xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nh và anh N chung sống với nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đa Lộc nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do anh N ghen tuông vô cớ làm cho vợ chồng Thờng xuyên cự cãi, sống không hạnh phúc nên đã ly thân nhau. Trong thời gian ly thân anh N luôn tìm đến kiếm chuyện gây cho chị Nh sống không yên ổn, mệt mỏi về tinh thần. Tòa án đã tổ chức hòa giải động viên anh chị đoàn tụ lại với nhau Nhng không kết quả, mà hai người luôn cự cãi không ai Nhờng nhịn ai. Cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được chung sống cũng không hạnh phúc nên Hội đồng xử án chấp nhận cho chị Nh được ly hôn với anh N.

[3] Về con chung: Từ khi ly thân nhau đến nay chị Nh là người trực tiếp nuôi con cũng đảm bảo sự phát triển bình Thòng của bé, cháu Th và cháu T cũng có nguyện vọng sống với mẹ nên chấp nhận yêu cầu được nuôi con của chị Nh

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nh không yêu cầu nên không xem xét

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Quan điểm của Vị đại diện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; 35; 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Mai Nh cho chị được ly hôn với anh Huỳnh N.

Về con chung: Giao con chung Huỳnh Lâm Th; Huỳnh Lâm T cho chị Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh N được quyền tới lui, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nh không yêu cầu nên không xem xét

Về tài sản chung: Không có nên không xem xét

Về nợ chung**:** Không có nên không xem xét.

Về án phí: Chị Nh nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002774 ngày 01/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành; Chị Nh không phải nộp nữa.

- Án xử công khai, vắng mặt nguyên đơn - bị đơn. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thu Hằng